| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH LẠNG SƠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1322 /QĐ-UBND | *Lạng Sơn, ngày 21 tháng 8 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung khối lượng giao quản lý, bảo trì đường nội thị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

## CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 117/2021/NĐ-TTg ngày 22/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông thuộc hệ thống đường địa phương, tỉnh Lạng Sơn;*

*Căn cứ Quyết định số 607/QĐ-BGTVT ngày 12/5/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc điều chuyển đoạn tuyến từ Km0+00-Km4+300/QL.4A (qua nội thị thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc) và đoạn tuyến từ Km22+700-Km26+00/QL.3B (qua nội thị thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định), tỉnh Lạng Sơn thành đường địa phương và tiếp nhận các đoạn tuyến tránh thị trấn Đồng Đăng thành QL.4A, thị trấn Thất Khê thành QL.3B;*

*Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-BTC ngày 12/6/2023 của Bộ Tài chính về việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung khối lượng giao quản lý, bảo trì đường nội thị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 135/TTr-SGTVT ngày 16/8/2023.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung khối lượng giao quản lý, bảo trì đường nội thị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn cụ thể như sau:

1. Địa bàn huyện Tràng Định:

- Bỏ tuyến phố Phai Dài (có chiều dài 480m), do chuyển thành QL.3B;

- Phố Cẩu Pung: tăng chiều dài từ 420m thành 480m (điểm đầu tại Km55+500/ĐT.226; điểm cuối tại Km51+580/QL4A) và cầu Pắc Luồng cũ;

- Bổ sung tuyến phố Nà Nghiều có chiều dài 800m (điểm đầu tại Km51+580/QL4A; điểm cuối tại Km22+700/QL.3B).

*(Chi tiết theo Biểu kèm theo Quyết định này).*

2. Tổng số tuyến đường nội thị sau điều chỉnh là 266 tuyến, với tổng chiều dài 201,448km.

**Điều 2.** Các nội dung khác không đề cập tại Quyết định này giữ nguyên theo Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung khối lượng giao quản lý, bảo trì đường nội thị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(CVĐ).

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

**Lương Trọng Quỳnh**

**PHỤ LỤC: ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC, KHỐI LƯỢNG GIAO QUẢN LÝ, BẢO TRÌ ĐƯỜNG NỘI THỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

| TT | Tên đường | Theo Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 | | | Theo Quyết định điều chỉnh | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Điểm đầu | Điểm cuối | Chiều dài (Km) | Điểm đầu | Điểm cuối | Chiều dài (Km) |
| **I** | **Huyện Tràng Định** | | | **0,90** | | | **1,28** |
| 1 | Phố Phai Dài | Km0+00 | Km0+480 | 0,48 | Chuyển thành Quốc lộ 3B | | |
| 2 | Phố Cẩu Pung | Km0+00 | Km0+420 | 0,42 | Km55+500/ĐT.226 | Km51+580/QL4A | 0,48 |
| 3 | Phố Nà Nghiều | Chưa có | | | Km51+580/QL4A | Km22+700/QL.3B | 0,80 |
| | **Tổng** | | | **0,90** | | | **1,28** |